

Tuần 27, 17/07/2026

Áp lực bán vẫn mạnh, nhiều cổ phiếu mất MA 50

Tiêu điểm:

- PNJ tính thuê đơn vị quốc tế kiểm định quy trình và chất lượng kim cương
- Tổng thống Mỹ Donald Trump ngày 8/7 tuyên bố "kết thúc" ngừng bắn với Iran sau chưa đầy một tháng hai bên ký bản ghi nhớ. Giá dầu thế giới tăng gần 12% chỉ sau hai phiên giao dịch khi căng thẳng Mỹ - Iran leo thang trở lại, kéo theo nỗi lo về các kịch bản khủng hoảng năng lượng mới.
- Lạm phát tại Mỹ bất ngờ hạ nhiệt trong tháng 6. Theo số liệu Bộ Lao động Mỹ công bố, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6 tăng 3.5% YoY, thấp hơn mức 4.2% của tháng 5 và dưới dự báo 3.9% của các nhà kinh tế do FactSet khảo sát.

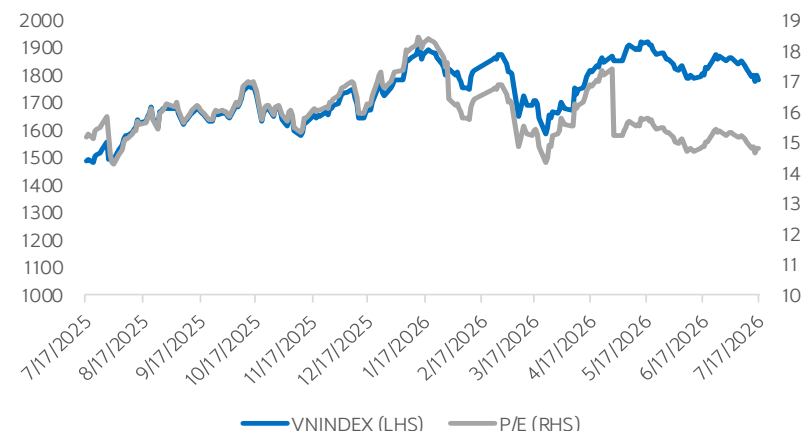
Đánh giá: Thị trường tiếp tục chịu tác động tiêu cực từ thông tin liên quan đến PNJ và FPT. Mặc dù bức tranh vĩ mô trong và ngoài nước không có nhiều thay đổi, trong khi các thông tin bất lợi chủ yếu mang tính riêng lẻ và đã xuất hiện từ trước, thậm chí các số liệu kinh tế vĩ mô gần đây của Việt Nam còn cho thấy nhiều điểm tích cực. Tuy nhiên, tâm lý thị trường vẫn khá bi quan khi thanh khoản liên tục suy giảm. Do đó, chỉ cần xuất hiện thêm những thông tin bất lợi, thị trường vẫn dễ bị tổn thương. Vì vậy, các phiên biến động mạnh và mang tính rũ bỏ nhiều khả năng sẽ còn xuất hiện trong giai đoạn này.

Góc nhìn kỹ thuật: VN-Index đóng cửa tuần tại 1,787.4 điểm (-40.8 điểm, -2.24%) với thanh khoản ở mức thấp. Độ lan tỏa của dòng tiền tiếp tục suy yếu khi nhiều cổ phiếu đánh mất MA50 và phá vỡ xu hướng tăng trung hạn. Thị trường hiện đang tích lũy quanh vùng 1,800 điểm trong bốn phiên gần đây; nếu đánh mất vùng hỗ trợ này, khả năng chỉ số điều chỉnh về khu vực 1,700 điểm sẽ tăng lên.

Ý tưởng đầu tư: Nhà đầu tư có thể tập trung tích lũy các cổ phiếu có cấu trúc giá đi ngang hoặc chỉ điều chỉnh nhẹ nhưng vẫn duy trì tăng trưởng KQKD tích cực cho mục tiêu trung hạn. Không nên gia tăng tỷ trọng giao dịch ngắn hạn và cũng không nên mua đuổi, bởi độ lan tỏa yếu của dòng tiền có thể khiến các nhịp tăng giá thiếu tính bền vững.

Dữ liệu thị trường tuần	% Thay đổi					Định giá			Vốn hóa (Tỷ USD)
	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	
VN-Index	1,787	-2.2	-1.0	-1.6	0.2		14.8	2.1	324
Upcom Index	127	-0.7	0.2	-0.8	5.3		11.5	1.6	24
HNX Index	292	-4.0	-11.7	12.2	17.3		16.7	1.6	16
VN30 Index	1,932	-2.0	-1.3	-2.8	-4.9		12.9	2.1	240
S&P 500 Index	7,534	-0.5	1.5	5.7	10.1		27.7	5.7	67,316
STOXX Europe 600 Index	641	0.1	0.4	2.4	8.4		17.9	2.5	18,622
Hang Seng	24,562	1.3	0.8	-6.4	-4.4		13.1	1.3	3,803
Nikkei 225	64,141	-6.4	-8.2	9.7	27.4		24.2	3.0	6,383
SHCOMP Index	3,764	-5.8	-8.4	-7.1	-5.2		1.5		9,209
STI Index	5,510	0.7	6.4	10.2	18.5		16.6	1.7	628
KOSPI Index	6,821	-8.8	-24.7	9.7	61.8		18.7	1.9	3,645

Nguồn: Bloomberg



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Nam Hoàng, CFA

(84-28) 5808 7603

nam.h@shinhan.com

 Theo dõi Zalo của SSV,
 Cập nhật báo cáo mới nhất


Bấm vào hình hoặc quét QR

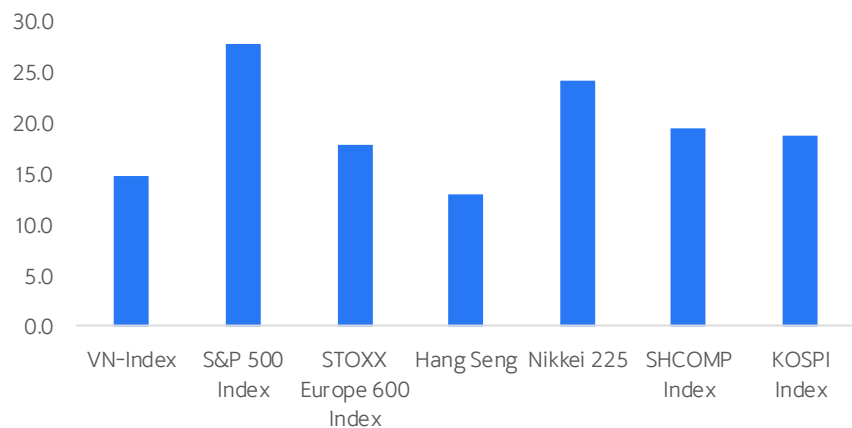
WEEKLY SNAPSHOT

Theo vốn hóa và ngành

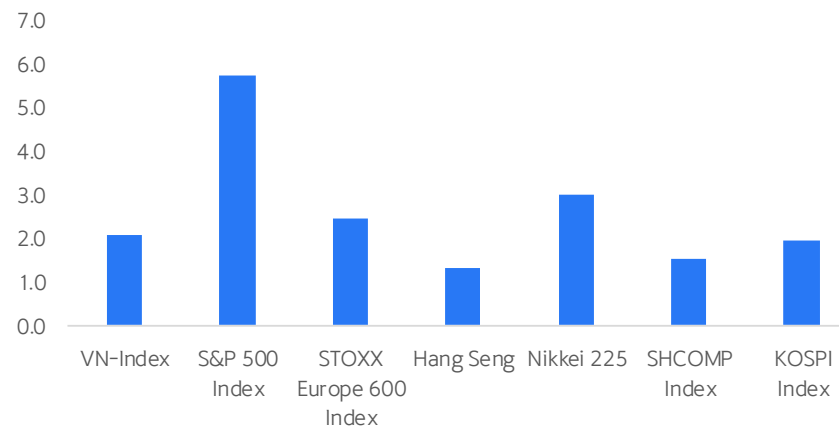
Giá trị vốn hóa	% Thay đổi GTGD								% Tỷ trọng GTGD		Định giá		
	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	-2.0	-3.3	-1.9	2.2	10.2	2.4	-15.4	-9.5	44.0	1.2	15.4	2.3	7,803,964
Mid Cap	-2.6	-4.5	-9.3	-4.6	7.3	16.9	-7.0	-37.6	36.6	0.1	10.3	1.2	546,306
Small Cap	-6.7	-8.7	-13.0	-15.6	0.5	2.4	-13.5	-55.4	19.4	-1.3	10.3	0.6	70,324
Theo ngành													
Tên ngành	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Thực phẩm và đồ uống	1.4	1.7	-3.5	-12.5	25.0	21.0	-3.2	-34.2	10.1	1.4	15.5	3.0	489,086
Bảo hiểm	1.0	-8.1	-15.2	2.1	25.8	-5.5	-34.4	-42.5	2.2	0.3	13.5	1.6	56,711
Tiện ích	0.5	-4.7	-2.8	0.6	-26.1	-26.7	-31.1	-53.1	1.5	-0.7	13.1	2.0	327,743
Bán lẻ	-0.3	-2.3	-12.7	-12.4	-23.6	-29.2	-27.2	-47.5	0.7	-0.3	17.8	3.3	152,153
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	-1.4	-8.7	-14.2	-15.0	8.8	10.9	-11.3	-39.9	6.3	0.1	13.7	2.0	224,727
Ô tô & Phụ tùng	-1.6	-0.4	-4.6	4.4	34.4	38.7	15.5	-25.3	2.7	0.5	3.9	1.0	18,071
Bất động sản	-2.0	-3.3	5.6	13.0	18.3	-0.2	-20.5	-23.7	16.7	1.5	33.5	3.7	2,642,307
Dầu khí	-2.1	-5.8	-5.9	30.5	-1.6	11.1	-22.3	-60.5	1.5	-0.1	23.8	2.2	187,544
Dược và Y tế	-2.2	-3.9	-10.4	-11.2	-25.9	-18.4	-40.4	-62.5	0.9	-0.4	16.6	1.9	35,707
Ngân hàng	-2.4	-1.6	-1.7	1.0	21.6	4.7	-11.7	-27.7	17.0	2.0	9.4	1.6	2,590,241
Hóa chất	-2.5	-11.4	-12.5	4.2	7.1	5.9	-26.6	-55.6	3.1	0.0	14.2	1.6	198,527
Tài chính	-3.2	-1.4	-6.7	1.5	-2.3	22.9	10.8	-21.3	20.1	-2.0	16.0	1.8	498,457
Xây dựng và vật liệu	-3.7	-7.0	-12.6	-9.8	-5.7	-10.7	-25.2	-44.3	6.1	-0.8	10.4	1.3	129,821
Tài nguyên cơ bản	-4.3	-6.9	-14.5	-7.5	12.0	-1.8	-21.8	-46.2	2.6	0.1	12.5	1.3	223,481
Du lịch và Giải trí	-4.3	-7.2	-3.0	-12.3	3.1	-2.8	-15.2	-36.2	1.7	-0.1	6.9	4.4	325,278
Công nghệ Thông tin	-5.0	-4.6	-12.3	-28.3	-28.4	-45.8	-57.5	-70.7	0.2	-0.1	12.2	2.6	127,830
Hàng cá nhân & Gia dụng	-5.6	-23.3	-32.3	-26.0	-12.3	35.3	17.8	-11.9	6.5	-1.5	7.8	1.2	43,847
Truyền thông	-7.2	-6.9	-11.5	-20.5	-75.5	-83.3	-71.3	-87.6	0.0	0.0	21.9	0.8	2,134

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

P/E



P/B



WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	-64,427	17,878	17,878
Ấn độ	-338	1,772	1,772	-27,193
Indonesia	-11	-152	-152	-4,400
Nhật Bản*	4,612	4,473	4,473	57,483
Mayaysia	128	82	82	-618
Hàn Quốc	-454	-8,128	-8,128	-102,945
Sri Lanka	-1	-8	-8	-116
Đài Loan	-3,503	-13,309	-13,309	-33,669
Thái Lan	254	1,110	1,110	1,991
Việt Nam	-55	-181	-181	-3,120

*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	2,379	-11.9	-44.3	-104.3	-198.0
Nước ngoài	1,651	-12.4	-40.7	-84.6	-167.1
VanEck Vectors Vietnam ETF	522	-10.6	-16.2	0.0	-42.4
Fubon FTSE Vietnam ETF	351	-1.7	-15.2	-65.9	-114.1
iShares MSCI Frontier and Select EM	188	0.0	0.0	0.0	0.0
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	368	0.0	-2.1	-6.6	3.8
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	204	0.0	-6.5	-10.9	-13.1
Premia MSCI Vietnam ETF	5	0.0	-0.8	-1.3	-1.3
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	2	0.0	0.0	0.0	0.0
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	728	0.5	-3.6	-19.7	-30.9
DCVFMVN Diamond ETF	421	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	221	0.5	-3.0	-12.1	-22.1
SSIAM VNFN LEAD ETF	21	-0.2	-0.2	0.0	1.0
MAFN VN30 ETF	24	0.0	-0.5	-7.6	-10.4
SSIAM VNX50 ETF	6	0.0	0.0	0.0	-0.1
VinaCapital VN100 ETF	27	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	9	0.2	0.1	0.0	0.7

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Chú thích:

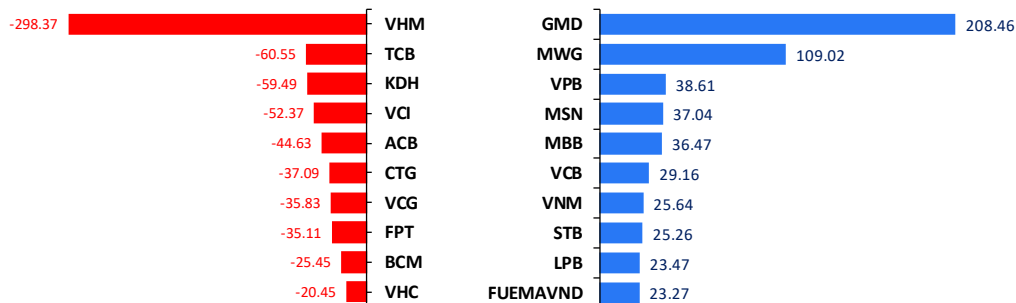
WTD: từ đầu tuần

MTD: từ đầu tháng

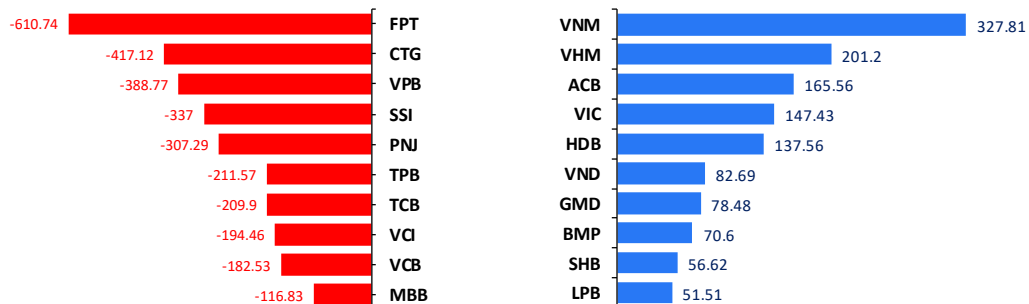
QTD: từ đầu quý

YTD: từ đầu năm

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

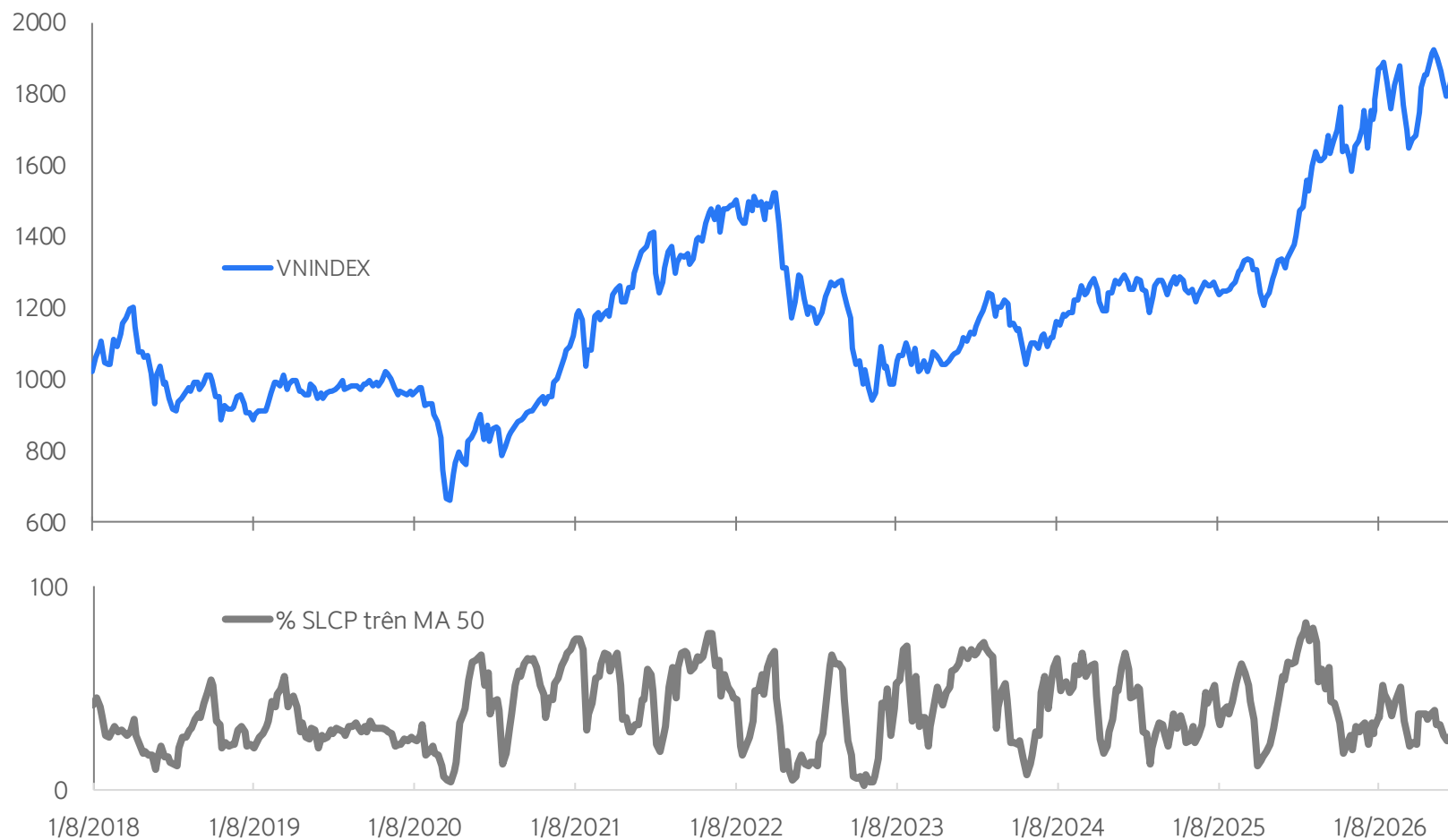
Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	-392	335	-820	485
Tài nguyên Cơ bản	-16	-35	96	-61
Truyền thông	0	1	0	0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	252	122	20	-143
Y tế	0	0	-2	2
Hóa chất	-9	-11	-3	13
Dịch vụ tài chính	-126	-482	473	9
Du lịch và Giải trí	19	-14	413	-399
Ngân hàng	4	-851	711	139
Xây dựng và Vật liệu	-44	111	32	-143
Thực phẩm và đồ uống	45	154	847	-1,002
Bán lẻ	114	-36	-78	114
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	4	58	-27	-30
Hàng cá nhân & Gia dụng	14	-236	359	-123
Công nghệ Thông tin	-35	-601	194	407
Ô tô và phụ tùng	0	-25	-20	45
Bảo hiểm	-1	45	-20	-25
Dầu khí	11	-40	-18	58
Tổng	-161	-1,506	2,158	-652

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

Chưa bao gồm dữ liệu phiên thứ 6



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT

Xu hướng kỹ thuật



Ngân hàng				Bất động sản				Bảo hiểm và dịch vụ tài chính				Tài nguyên Cơ bản và xây dựng vật liệu				Hàng & Dịch vụ Công nghiệp và Hàng cá nhân & gia dụng			
Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
SHB	29	Weak	Weak	DXG	42	Neutral	Weak	BVH	40	Neutral	Neutral	HPG	25	Weak	Weak	GEX	28	Weak	Weak
MBB	35	Weak	Weak	NVL	49	Neutral	Weak	BMI	36	Weak	Weak	NKG	26	Weak	Weak	VSC	21	Weak	Weak
HDB	61	Neutral	Strong	DIG	42	Neutral	Weak	BIC	32	Neutral	Strong	HSG	40	Neutral	Weak	PVT	33	Weak	Weak
VPB	38	Weak	Weak	VRE	26	Weak	Weak	VIX	21	Weak	Weak	SMC	24	Weak	Weak	GMD	55	Neutral	Neutral
MSB	66	Neutral	Strong	PDR	22	Weak	Weak	SSI	28	Weak	Weak	CII	33	Weak	Weak	HAH	25	Weak	Weak
TCB	39	Weak	Weak	VIC	54	Neutral	Neutral	VND	51	Neutral	Neutral	HHV	35	Weak	Weak	GEE	35	Weak	Weak
EIB	27	Weak	Weak	KDH	18	Weak	Weak	VCI	25	Weak	Weak	VCG	30	Weak	Weak	VOS	27	Weak	Weak
ACB	63	Strong	Strong	VHM	43	Weak	Weak	HCM	60	Strong	Strong	PCI	53	Neutral	Strong	APH	46	Neutral	Neutral
TPB	32	Weak	Weak	TCH	35	Weak	Weak	TCX	50	Neutral	Neutral	FCN	33	Weak	Weak	VTP	27	Weak	Weak
STB	59	Neutral	Strong	KBC	34	Weak	Weak	ORS	53	Neutral	Strong	VGC	40	Weak	Weak	SBG	64	Neutral	Strong
CTG	29	Weak	Weak	HDG	24	Weak	Weak	VDS	35	Weak	Weak	DPG	20	Weak	Weak	REE	27	Weak	Weak
VIB	36	Weak	Weak	HDC	20	Weak	Weak	FTS	37	Weak	Weak	CTD	23	Weak	Weak	PAC	25	Weak	Weak
SSB	57	Neutral	Strong	NLG	40	Weak	Weak	CTS	50	Neutral	Strong	CTR	27	Weak	Weak	TV2	29	Weak	Weak
VCB	32	Weak	Weak	DXS	35	Weak	Weak	BSI	40	Weak	Neutral	HT1	30	Weak	Weak	TCM	10	Weak	Weak
NAB	51	Neutral	Neutral	NTL	33	Neutral	Weak	TCI	37	Neutral	Weak	CTI	34	Neutral	Weak	TLG	33	Weak	Weak
OCB	51	Neutral	Strong	SIP	30	Neutral	Weak	TVB	39	Weak	Neutral	BMP	57	Neutral	Strong	PNJ	26	Weak	Weak
BID	31	Weak	Weak	SZC	25	Weak	Weak	DSE	50	Neutral	Neutral					MSH	24	Weak	Weak
LPB	55	Neutral	Strong	BCM	21	Weak	Weak												
Công nghệ thông tin và bán lẻ				Dầu khí & điện nước và Tiện ích				Thực phẩm và đồ uống				Truyền thông và y tế				Du lịch & giải trí và Ô tô phụ tùng			
Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
FPT	32	Weak	Weak	PVD	53	Neutral	Strong	MSN	30	Weak	Weak	YEG	27	Weak	Weak	VPL	29	Weak	Weak
SAM	31	Neutral	Weak	BSR	45	Neutral	Weak	VNM	62	Strong	Neutral	DCL	52	Neutral	Neutral	VJC	39	Weak	Weak
ELC	40	Weak	Neutral	PLX	38	Weak	Weak	DBC	36	Weak	Weak	DBD	40	Neutral	Neutral	HVN	48	Neutral	Strong
CMG	33	Neutral	Weak	POW	44	Weak	Neutral	BAF	52	Neutral	Neutral	TNH	31	Neutral	Weak	SCS	34	Neutral	Weak
MWG	45	Neutral	Neutral	NT2	38	Weak	Weak	SAB	46	Neutral	Neutral	JVC	22	Weak	Weak	VNG	42	Weak	Weak
DGW	35	Weak	Weak	GAS	44	Neutral	Weak	ANV	25	Weak	Weak					HAX	20	Weak	Weak
PET	55	Neutral	Strong	GEG	37	Weak	Weak	VHC	44	Neutral	Neutral					DRC	25	Weak	Weak
FRT	31	Weak	Weak	PPC	24	Weak	Weak	MCH	58	Strong	Strong								

Danh sách theo dõi						
STT	Cổ phiếu	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Vùng mua tiềm năng	Lợi nhuận kỳ vọng (tính từ giá hiện tại)	Ghi chú
1	HPG	21.85	26	23.5	19.0%	Kì vọng KQKD Q1 tăng trưởng ấn tượng, Cổ phiếu đã quay lại xu hướng tăng nhưng cần xem xét kháng cự tâm lý vùng 28 - 29
2	POW	13.9	15.7	13.5	12.9%	KQKD tăng trưởng ấn tượng nhờ nhu cầu điện cao, và sản lượng Qc cao. Xu hướng giá tốt duy trì nhịp tăng ổn định

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	ACC	Xây dựng và Vật liệu	7.47 - 14.30	7.5	-30.2%
2	BCE	Xây dựng và Vật liệu	5.54 - 10.25	5.7	-28.2%
3	GIL	Hàng cá nhân & Gia dụng	7.84 - 21.75	7.8	-26.4%
4	CLW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	38.55 - 63.00	38.6	-19.3%
5	TDC	Bất động sản	7.06 - 14.80	7.3	-18.9%

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
39.2%	61.0	38.09 - 62.50	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	TDM
13.8%	7.3	5.59 - 7.75	Tài nguyên Cơ bản	DHM
12.5%	9.1	7.50 - 11.70	Y tế	SPM
12.4%	6.2	2.54 - 7.68	Tài nguyên Cơ bản	TNI
10.8%	91.3	31.92 - 97.87	Ô tô và phụ tùng	VVS

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	V21	Bất động sản	4.90 - 7.20	4.9	-19.7%
2	PTD	Xây dựng và Vật liệu	4.10 - 10.30	4.1	-19.6%
3	KTS	Thực phẩm và đồ uống	17.60 - 48.40	20.7	-13.8%
4	SGH	Du lịch và Giải trí	17.70 - 30.20	17.7	-13.7%
5	BVS	Dịch vụ tài chính	23.80 - 45.00	31.1	-13.4%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
33.3%	9.6	3.20 - 9.60	Tài nguyên Cơ bản	SHN
28.7%	38.6	23.80 - 39.00	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	PJC
15.2%	7.6	5.60 - 8.00	Hàng cá nhân & Gia dụng	SHE
14.3%	6.4	4.40 - 9.30	Dịch vụ tài chính	EVS
13.5%	57.9	47.60 - 60.00	Thực phẩm và đồ uống	SAF

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	TTS	Tài nguyên Cơ bản	4.00 - 16.40	7.2	-55.6%
2	H11	Xây dựng và Vật liệu	5.80 - 25.80	15.5	-39.7%
3	HES	Du lịch và Giải trí	11.20 - 33.70	14.3	-37.6%
4	TGP	Tiêu dùng không thiết yếu	4.70 - 9.20	4.9	-35.5%
5	UPH	Y tế	3.60 - 12.00	3.9	-32.8%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
42.9%	15.0	7.80 - 15.50	Thực phẩm và đồ uống	BSP
41.7%	8.5	4.70 - 12.40	Bảo hiểm	BHI
41.1%	54.9	16.00 - 54.90	Điện nước & xăng dầu khí đốt	ANI
34.3%	19.2	9.20 - 19.20	Xây dựng và Vật liệu	HEJ
34.0%	6.3	4.30 - 10.70	Tài nguyên Cơ bản	LMC

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá (nghìn VND)	Giá cổ phiếu	
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W		Biến động 52 tuần	%1W
1	TDM	Nước Thủ Dầu Một	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12,472.8	531.6	61.0	3.65 - 5.73	7.3
2	AST	Dịch vụ Hàng không Taseco	Bán lẻ	494.3	442.0	63.0	52.50 - 65.75	-0.6
3	BWE	Nước - Môi trường Bình Dương	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	5,713.4	261.7	45.3	41.20 - 51.90	0.2
4	CSV	Hóa chất Cơ bản miền Nam	Hóa chất	13,003.7	193.6	23.8	22.00 - 39.30	5.3
5	ASM	Tập đoàn Sao Mai	Thực phẩm và đồ uống	5,047.6	193.2	6.2	5.30 - 8.67	-0.2
6	SCS	DV Hàng hóa Sài Gòn	Du lịch và Giải trí	6,666.2	132.2	48.2	47.90 - 69.50	-0.6
7	KHG	Tập đoàn Khải Hoàn Land	Bất động sản	32,325.4	123.5	4.9	4.72 - 8.76	-3.9
8	VVS	Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam	Ô tô và phụ tùng	15,998.2	108.6	91.3	31.92 - 97.87	10.8
9	MIG	Bảo hiểm Quân đội	Bảo hiểm	4,893.4	89.3	17.5	15.00 - 21.35	-1.4
10	ACB	Ngân hàng Á Châu	Ngân hàng	486,486.3	79.0	23.6	19.20 - 26.11	4.4

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Tỷ giá

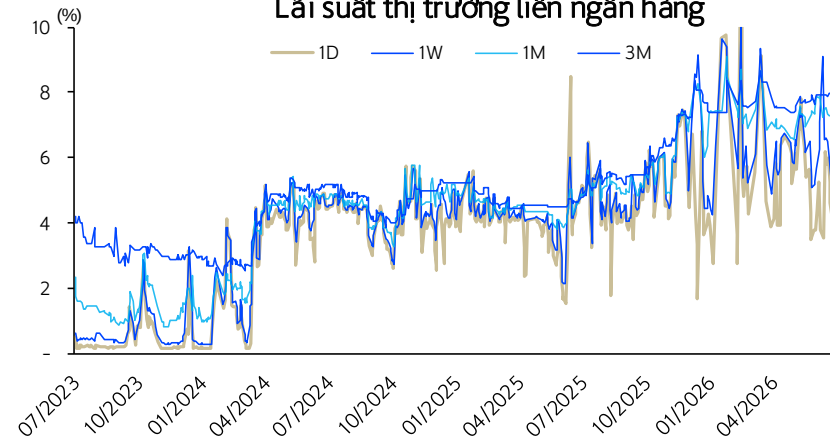
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dollar index	100.71	-0.2	0.6	2.7	2.4	
VND/USD	26,278	0.0	-0.2	-0.2	-0.1	
KRW/USD	1,482.10	-1.1	-2.3	1.5	2.9	
JPY/USD	162.32	0.4	1.0	2.3	3.6	
EUR/USD	0.87	-0.3	0.5	2.8	2.6	
SGD/USD	1.29	-0.1	0.2	1.6	0.4	
CNY/USD	6.78	0.0	0.2	-0.6	-3.0	

Hàng hóa

	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dầu thô	79.48	11.3	3.5	-5.2	38.4	
Xăng	328.92	10.2	13.0	9.5	92.9	
Gas	2.87	-2.5	-8.8	7.2	-22.2	
Than	129.85	-0.1	-10.4	-2.8	20.8	
Vàng	3,997.73	-3.0	-6.1	-17.2	-7.4	
Bạc	55.60	-7.1	-18.1	-31.3	-22.4	
Platinum	1,594.59	-2.4	-8.3	-24.5	-22.6	
Quặng sắt	98.81	0.2	-2.8	-7.7	-7.8	
Thép cán	3,315.00	0.5	-2.0	-0.2	1.4	
Lúa mì	671.25	6.2	9.5	13.5	32.4	
Ngô	439.25	0.3	4.3	-2.1	-0.2	

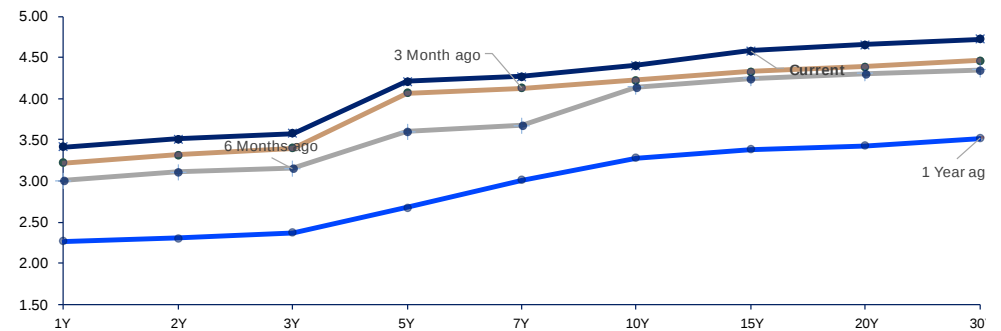
Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, SBV

Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	3.41	3.51	3.58	4.21	4.27	4.41	4.58	4.33	4.25
Thay đổi (WoW)	1.70	0.80	0.80	0.10	0.30	0.70	0.70	1.70	1.20

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd,
18th Floor. The Mett Tower. 15 Tran Bach Dang. Thu Thiem Ward.
Thu Duc City. Ho Chi Minh City. Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000



Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lý nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền © 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.